



Không Chỉ là Một Giấc Chiêm Bao

Phạm Tín An Ninh

Mùa hè Bắc Âu khá đẹp, đầu tháng sáu trời về đêm vẫn còn se lạnh. Cái lạnh tựa như Đà Lạt ngày nào, thường gây chút xao xuyến, nhớ nhung nhưng cũng dễ đưa người ta vào giấc ngủ. Tôi có thói quen đi ngủ muộn và ngủ khá ngon giấc, ít khi mộng mị, vậy mà khuya hôm nay tôi có một giấc mơ khá dài. Không nhớ dài bao lâu, nhưng nó gói ghém gần cả đời lính của mình, với đủ những khuôn mặt đồng đội, huynh đệ suốt một thời trận mạc. Tôi cũng không giật mình tỉnh mộng như các lần chiêm bao trước. Giấc mơ kết thúc yên ả như tôi vừa xem xong một cuốn phim tình cảm với buồn vui lẫn lộn. Thức dậy, nằm trần trọc, mơ màng giữa mộng và thực rồi miên man hồi tưởng cả một thời quá khứ, dù hiểm nguy gian khổ, nhưng lại là quãng đời đẹp đẽ nhất của riêng mình.

Người đã bắt chợt bước vào giấc mơ và mang theo cho tôi cả một thời quá khứ ấy là Đặng Trung Đức. Anh đã tử trận tại khu vực Ngõ Trang, phía Bắc thành phố Kontum trong trận chiến mùa Hè 1972. Cả một đời binh nghiệp của tôi gần như gắn liền với anh Đức, luôn theo phía sau anh để thay thế các chức vụ của anh giao lại. Khi mãn khóa 18 Thủ Đức, tôi được bổ nhiệm về trình diện đơn vị thì gặp anh, và hai anh em ở cùng đại đội. Đức tốt nghiệp Khóa 16 Võ Bị Đà Lạt, ra trường về đơn vị trước tôi khoảng 5 tháng. Anh làm Trung đội trưởng Trung đội 1 còn tôi, Trung đội trưởng Trung đội 3. Đại đội trưởng lúc ấy là một anh trung úy, niên trưởng Khóa 16 Võ Bị của Đức, rất đa tài và yêu thương em út. Sau đó, Đức lên làm đại đội trưởng, tôi làm đại đội phó cho anh. Một thời gian sau, anh được điều động về làm Trưởng ban 3 tiểu đoàn, tôi lên thay anh, rồi sau đó lại thay anh một lần nữa, trong chức vụ Ban 3 tiểu đoàn để anh về làm Trưởng ban 3 trung đoàn. Và có một thời gian khá dài hai anh em cùng làm việc tại Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn, khi tôi về đảm trách một ban khác. Đầu năm 1971, khi anh ra nắm tiểu đoàn, tôi lại có thời gian thay anh ở chức vụ Ban 3 Trung Đoàn. Chúng tôi cùng một đơn vị từ lúc mới ra trường, luôn sống gần nhau cho tới khi anh hy sinh. Rất thân tình, xem nhau như anh em, mặc dù anh cũng trạc tuổi tôi.

Trong giấc mơ, Đức đến thăm tôi trên một đỉnh đồi, nơi đơn vị đóng quân. Mặc quân phục, tay cầm khẩu M-18, nhưng không mang cấp bậc. Vẫn trẻ trung hào khí, nhưng không còn cái vui vẻ, dí dỏm ngày nào. Nét mặt đượm buồn. Đức hỏi thăm tôi từng người, những anh em cùng đơn vị cũ. Có điều lạ là không thấy anh nhắc những người đã mất. Khi tôi hỏi về anh Võ Anh Tài, các bạn Trần Công Lâm, Đỗ Bê, Dương Đình Chính, Đức bảo là họ cùng đang chiến đấu với anh. Nhưng những người bạn này, cũng là những tiểu đoàn trưởng, đã chết tại chiến trường Kontum, trước và sau ngày Đức hy sinh.

Trong giấc mơ, tôi cũng mơ hồ là Đức đã qua đời từ lâu rồi, nên e dè hỏi, nhưng Đức bảo anh vẫn còn sống và luôn ở bên cạnh bạn bè đồng đội đây thôi. Đức tâm sự thật nhiều, kể cả chuyện riêng, chuyện gia đình lẫn chuyện nhà binh, đơn vị. Tôi cũng kể lẫn lộn chuyện tù đày, vượt biên, từng khốn cùng sống chết, cứ như từ kiếp trước. Đức cũng không thắc mắc, nắm tay tôi sụt sùi. Khác hẳn với những giấc chiêm bao khác, thường thì tôi giật mình tỉnh giấc, nhưng hôm nay, khi Đức chia tay từ giã, bước xuống triền đồi, tôi vẫn nhìn theo cho tới khi hình bóng anh biến mất sau một đám cây bên tảng đá...

Tỉnh giấc, tôi vẫn nằm yên, như để cố níu giữ giấc mơ và nhất là hình bóng của Đức. Đã từ khá lâu rồi, thỉnh thoảng tôi có thoáng hình dung tới Đức, đặc biệt mỗi khi nhắc lại chuyện cũ với anh em cùng đơn vị, nhưng hôm nay, bất ngờ tôi đã "gặp" lại anh và ngồi bên nhau rất lâu, cho tôi cái cảm giác là anh vẫn còn sống ở đâu đó, bất chợt tìm tới thăm mình. Tôi vẫn cứ nằm khá lâu trên giường, nhắm mắt nghĩ tới Đức, nhớ lại tất cả những gì biết về anh, hình dung từng cử chỉ của anh. Một hành động như là không để cho anh thực sự biến mất.

Đức sinh ra ở Đà Nẵng. Cha anh là người Quảng Nam, nhưng anh không hề có trong tâm trí hình ảnh của ông, vì khi anh mới lên ba thì ông đã (biến) mất. Mẹ là người Huế. Anh lớn lên trong vòng tay của mẹ. Bà khổ sở tảo tần để nuôi anh ăn học. Người mẹ cô đơn, nhỏ nhắn, nghèo khó ấy lại là cái bóng chở che anh cả một quãng đời cho đến khi anh vào lính. Cũng chính cái nghèo khó ấy mà cuộc hôn nhân của anh đã gặp rất nhiều khó khăn trắc trở, bởi người yêu (sau này là vợ anh) là thứ nữ của một gia đình thế giá, giàu có thuộc hoàng tộc triều Nguyễn. Cuộc hôn nhân tưởng đã không thành, nếu không có sự chở che hỗ trợ hết lòng của Kim

Oanh, một cô bạn thân của hai người, sau này cũng là cô phù dâu và là người bạn thân thiết nhất của vợ chồng Đức. Đám cưới vội vàng, đơn giản diễn ra ngay sau ngày anh tốt nghiệp từ Trường Võ Bị.

Với những đức tính từ khi còn là một Hướng Đạo Sinh đến khi được tôi luyện từ ngôi trường Võ Bị, Đức sớm tìm được thiện cảm và trở thành rể quý của gia đình vợ sau này. Nghe nói, khi biết tin Đức bị thương nhẹ mấy lần, ông bà nhạc lo lắng lắm. Do quen biết nhiều, ông bà có ý định lo cho Đức về nắm cái quận nào đó ở Bình Định. Ngày Đức mất, ông bà đã khóc hết nước mắt và nhận lo việc an táng Đức ở gần gia đình ông, trong thành phố Qui Nhơn. Đức được chôn cất ở Nghĩa trang Phật Giáo, Khu Gành Ráng, một vị trí khá đẹp, xa xa có mộ phần của nhà thơ Hàn Mặc Tử.

Ông bà đưa chị Đức và hai con sang Pháp từ năm 1979, nhưng chị Đức mất sớm do một chứng bệnh nan y. Sau khi chị mất, ông bà quyết định ăn chay trường, tu tại gia và cũng mất khoảng hơn mười năm sau đó. Hai con của anh chị Đức, một trai một gái. Ngày Đức mất, cháu trai mới lên bốn và cháu gái chưa tròn một tuổi, chưa biết mặt cha. Hai cháu vẫn sống ở Pháp, thỉnh thoảng có liên lạc với chúng tôi để hỏi về người cha qua cố. Cô bạn thân, từng hết lòng giúp vợ chồng Đức trong cuộc hôn nhân, đang sống ở Houston, vẫn liên lạc thường xuyên với hai cháu như một bà mẹ đỡ đầu, và thỉnh thoảng về Việt Nam thăm và sửa sang mộ phần của Đức. Riêng bà cụ, mẹ của Đức cũng đã qui tiên sau vài năm được hai con của anh chị Đức bảo lãnh sang Pháp. Đặc biệt ông cụ thân sinh của Đức, không hề chết như anh đã nghĩ. Ông bỏ gia đình theo Việt Minh từ thời Cách Mạng Mùa Thu, rồi ở lại miền Bắc lập gia đình khác. Năm 1976, ông về Nam, sau khi đã “phục viên”, có gặp lại mẹ cùng vợ con của Đức và đến thắp hương trên mộ Đức. Không hiểu khi ấy ông nghĩ gì khi đưa con trai mà ông đành lòng bỏ rơi từ tấm bé để theo đuổi một lý tưởng huyền hoặc, đã bị giết bởi bàn tay các đồng chí của chính ông. Ông cũng đã qua đời không lâu sau đó.

Tôi lập gia đình sau Đức khoảng hai năm. Và gần như suốt thời gian tôi quen biết với bà xã tôi, Đức cũng thường ở bên cạnh chúng tôi, nên càng gần gũi thân tình. Sau này, vợ con tôi vẫn luôn ở cạnh vợ con Đức, từ những lúc còn phải đi thuê cho đến khi được cấp nhà trong khu cư xá sĩ quan. Chúng tôi thân thiết chẳng khác anh em trong nhà. Tính tình của Đức rất thẳng thắn, nhưng luôn vui vẻ, thân thiện giúp đỡ mọi người. Trong đơn vị, từ cấp chỉ huy đến thuộc cấp ai cũng quý mến.

Hai ngày trước khi Đức hy sinh, khi tiểu đoàn anh vừa kéo ra tạm nghỉ quân dọc theo Quốc lộ 14 và tình hình tương đối yên tĩnh, tôi bay theo chiếc C&C mang cho anh mấy thùng lựu đạn, 20 khẩu M-72 theo yêu cầu của anh, và đặc biệt là một phóng đồ hành quân để đơn vị anh chuyển sang vùng hoạt động mới. Anh vào một tần số riêng, căn dặn tôi và cả anh phi công bay thật thấp và theo hướng chỉ dẫn của anh để tránh đạn phòng không của địch. Tôi bảo có mang quà riêng cho anh (một chai rượu lễ của vị linh mục người Pháp biếu tôi khi đến thăm ông ở Tòa Giám Mục Kontum, nơi đơn vị tôi đã giải tỏa hơn một tháng trước đó). Khi trực thăng vừa đáp xuống, anh chạy đến chỉ để kịp bắt tay tôi, nhận bản phóng đồ và chai rượu. Không ngờ đó là lần cuối cùng chúng tôi còn nhìn thấy nhau, trong vội vã.

Trước đó, là cái chết đau đớn của anh Võ Anh Tài, niên trưởng Khóa 16 Võ Bị của Đức, người cùng quê với vợ tôi, và trong cư xá anh chị ở giữa nhà chúng tôi và anh chị Đức, nên cũng khá thân tình. Anh bị mìn, mất cả hai chân khi cùng tiểu đoàn vượt qua hàng rào phòng thủ để tái chiếm khu Bệnh Viện 2 Dã Chiến.

Sau anh Đức, thêm một người bạn thân thiết của tôi cũng hy sinh. Trần Công Lâm, thằng bạn cùng khóa Thủ Đức, cùng trung đội sinh viên sĩ quan, nó nằm giường trên, tôi giường dưới, măn khóa rủ nhau cùng về một đơn vị. Trước khi nắm tiểu đoàn, Lâm là đại đội trưởng Trinh Sát nổi tiếng cả Quân Đoàn. Sau ngày anh Đức và Lâm mất, hầu hết những sĩ quan cũ cũng đều bị thương hay chuyển đi đơn vị mới, tôi có cảm giác thật buồn và khá cô đơn. Đơn vị chúng tôi đã viết thêm một trang sử oai hùng cho QLVNCH khi tạo những chiến thắng lẫy lừng để giữ vững Kontum trong suốt Mùa Hè Đỏ Lửa và những năm gay go sau đó, nhưng cũng đã phải trả một cái giá không hề nhỏ khi nhiều đồng đội, bạn bè thân thiết của tôi đã nằm xuống ở chiến trường.

Đã quá mệt mỏi, cùng với sự thiếu hụt vũ khí, đạn dược, do bị cắt giảm tối đa từ phía người bạn lớn đồng minh bội phần, kèm theo sự kém tài thiếu đức của một vài vị tư lệnh, đã đưa đến việc thất thủ nhanh chóng Ban Mê Thuột, tan hàng bị thảm trên Tỉnh Lộ 7 B để rồi kết thúc một cách đau tức tưởi cho cả một Quân Lực hùng mạnh và nền Cộng Hòa tự do nhân bản, chỉ đúng 50 ngày sau đó!

Đơn vị tôi cũng đã tan tác theo cùng vận nước. Như nhận lạc bầy giữa cơn dông bão, kẻ bị bắt hay chết bỏ thây trên đường hành quân “triệt thoái”, người bị giam cầm khốn cùng trong các trại tù giữa rừng thiêng nước độc. Trong một vài trại tù xa xôi tận núi rừng Việt Bắc, tôi may mắn được gặp lại vài anh em, trong cảnh sa cơ vẫn giữ trọn tình huynh đệ. Người nào may mắn có vợ con còn bươn chải làm ăn, thường được thăm nuôi, chia sẻ đùm bọc những đứa kém may mắn. Khi ấy, cha tôi bị chết trong một trại tù khác trong Nam, vợ con nheo nhóc, nên được chị vợ một anh bạn cùng đơn vị, mỗi khi thăm chồng thì thăm cả tôi với quà cáp tiền bạc như nhau, giúp tôi lấy lại sức lực sau những lần bị bệnh kiết lỵ, đứng không vững. Tình cảm ấy thực sự đã làm tôi xúc động.

Ra hải ngoại, tìm gặp thăm nhau. Tỉnh thoảng, nhân các ngày nghỉ lễ, hoặc có dịp con cháu làm đám cưới, bọn tôi hú nhau kéo về họp mặt, tổ chức thấp hương tưởng niệm các đồng đội đã ra đi, góp tay giúp đỡ những anh em bị thương tật hay sống khốn khổ ở quê nhà. Nhưng rồi những cuộc hẹn cũng thưa dần, bởi tuổi tác ngày thêm lớn. Đa phần đều trên dưới 80. Một số bị bệnh hoạn hay ra đi. Chỉ thỉnh thoảng hỏi thăm nhau qua điện thoại, nhưng hiếm khi còn nghe được nụ cười, bởi cái buồn nó vẫn còn menh mang đâu đó. Cũng có bất đồng giữa vài người bởi không cùng một cái nhìn, đặc biệt về chuyện chính trị tại Hoa Kỳ, từ khi có ông D. Trump xuất hiện cùng các sự kiện MAGA và BLM, nhưng anh em nhắc bảo nhau rồi đâu cũng vào đấy.

Cũng may, những người từng sống chết bên nhau vẫn còn trọng cái tình! Có thằng bạn cùng đơn vị và cũng cùng Khóa 18 Thủ Đức với tôi và Trần Công Lâm, từng làm tiểu đoàn trưởng, một thời đánh đấm ở Kontum. Trong lúc còn trong tù thì ở nhà vợ treo cổ quyên sinh. Sang Mỹ, muốn quên đời nên đem hết tâm trí, thì giờ vào việc học, có Master Of Psychology. Thành đạt nhưng vẫn buồn đời, thường than vãn, “*tao tiếc là đã không được chết tại chiến trường như anh Tài, như anh Đức, như Lâm.*” Một hôm, nói dối gia đình đi thuê khách sạn rồi ở đó bán vào đầu tự vẫn, sau khi bình tĩnh ngòi viết mấy lá thư để lại cho bạn bè, bảo “*đi trước để mở đường và chuẩn bị bãi đáp cho anh em.*” Đọc thư của nó do Cảnh sát trao lại, bọn tôi lặng người nhưng không khóc được. Có lẽ chẳng ai còn nước mắt.

Sau đúng năm mươi năm dẫu biển, Đức đã từ một cõi xa xăm nào đó theo giấc mơ về ghé thăm tôi. Nửa thế kỷ có thể không dài hay ngắn lắm tùy theo quan niệm nhân sinh của mỗi con người, nhưng trong quãng thời gian ấy thế hệ chúng tôi lại có quá nhiều đổi thay, thăng trầm và mất mát. Vinh nhục đã trải, đốn đau cũng đã có lúc cùng cực. Nhưng có lẽ không có cái đau đớn tử nhục nào hơn là sự bất lực trước món nợ máu xương của đồng đội bạn bè, nợ lời thề ngày nào đã từng quỳ gối đưa tay đồng dục hô to trên vũ đình trường giữa hồn thiêng sông núi.

Với những thân tình thiết tha ngày cũ tuy có đượm buồn trong ánh mắt, tôi nghĩ là Đức không hề trách tôi. Nhưng khi anh bước ra khỏi giấc mơ, tôi vẫn có cảm giác xấu hổ, như còn mắc nợ anh điều gì không trả được. Cũng như cái chết oan khuất của cha tôi trong trại tù Đá Bàn vào tháng 6 năm 1976, khi đã gần tuổi 70, để mỗi lần thấp hương trước bàn thờ trong ngày giỗ ông, tôi không giấu được ghen ngào. Thấy mình hèn mọn, tẻ bạc quá, và ngượng ngùng khi nhớ tới những lời to lớn từng hô hào trước mặt bè bạn, vợ con ngày nào khi bước chân xuống thuyền bỏ nước ra đi. Nước mắt bỗng trào ra.

Vết thương cũ trong lòng dường như vừa mới nhói đau trở lại. Tôi ngồi dậy, lau nước mắt, viết vội những dòng này, không phải để giải bày với Đặng Trung Đức mà để tự xoa dịu, chữa thẹn cho chính mình. Tôi bỗng nhớ tới bài thơ của thi sĩ Cao Tần đã viết từ những ngày thật xa xưa, tháng 3 năm 1977, với cái tựa và cũng là câu kết mà tôi rất tâm đắc, cho dù có chút xót xa: “*Ta làm gì cho hết nửa đời sau?*”(*)

Phạm Tín An Ninh